

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS – ST
Ngày 19 - 5 - 2020
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thịnh

2. Bà Phan Thị Nhung

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lưu Bình Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST – DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST - DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hàng N

Địa chỉ: phường T, quận B, thành phố S

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hải H – Giám đốc Ngân Hàng N – chi nhánh V.

(Theo Quyết định số 510/QĐ-HDTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch hội đồng thành viên Ngân Hàng N)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Trưởng phòng khách Hàng hộ sản xuất và cá nhân – Ngân Hàng N - chi nhánh V.

(Theo giấy ủy quyền số: 1420/GUQ – NHNo.VPII – KSNB ngày 07/11/2019 của

Giám đốc Chi nhánh V).

Địa chỉ: Phường Tr, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Ông Dương Tấn N1, sinh năm 1974, (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường O, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2019 và các lời khai tiếp theo ông Nguyễn Văn T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/10/2016, Ông Dương Tấn N1 có đơn đề nghị vay vốn tại Ngân hàng N - chi nhánh Y (nay là chi nhánh V), (sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Trên cơ sở này hai bên đã ký kết hợp đồng tín dụng số: 2890LAV201602816 ký ngày 21/10/2016. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho ông N1 theo 01 lần nhận nợ, cụ thể như sau: Tại giấy nhận nợ ngày 28/10/2016: Số tiền vay: 450.000.000 đồng; Mục đích vay: Cải tạo, nâng cấp nhà ở; Thời hạn vay: 60 tháng; Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 21/10/2021; định kỳ trả gốc 01 tháng/ lần, số tiền là 7.500.000 đồng; Thỏa thuận lãi suất tiền vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng là 10,5%/ năm, lãi suất quá hạn là 15,75%/năm; định kỳ trả lãi: 01 tháng một lần; Hình thức vay: Vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Từ ngày vay đến hết ngày 30/10/2019 ông N1 đã trả được cho ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 255.924.459 đồng, trong đó số tiền gốc là 181.120.000 đồng, tiền lãi là 74.804.459 đồng. Tính từ ngày 31/10/2019 đến ngày xét xử ngày 19/5/2020 ông N1 không trả được thêm cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi nào khác.

Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, đôn đốc nhưng ông Dương Tấn N1 không thực hiện N1 vụ trả nợ theo cam kết, vi phạm các điều khoản tại hợp đồng tín dụng. Do vậy, ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên giải quyết: Buộc ông Dương Tấn N1 thực hiện đầy đủ N1 vụ trả nợ bao gồm gốc và lãi vay tính từ ngày 31/10/2019 đến ngày xét xử ngày 19/5/2020 ông N1 còn nợ của ngân hàng tổng số tiền cả gốc và lãi là 322.541.495 đồng, trong đó: Nợ gốc: 268.880.000 đồng; Nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 53.661.495 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 2890LAV201602816 ký ngày 21/10/2016 giữa ngân hàng với ông Dương Tấn N1 kể từ ngày 20/5/2020 đến khi ông N1 trả hết nợ cho ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn N1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án ông N1 trình bày:

Ông đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng tín dụng, số tiền vay, mục đích vay, lãi suất vay là đúng. Do cần vốn để mua nguyên vật liệu xây dựng cải tạo nâng cấp nhà ở nên ngày 21/10/2016 ông có vay của Ngân hàng N –

Chi nhánh V, việc vay nợ trên của ông không liên quan gì đến vợ ông.

Ông thừa nhận từ khi vay đến hết ngày 30/10/2019 ông đã trả được cho ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 255.924.459 đồng, trong đó số tiền gốc là 181.120.000 đồng, tiền lãi là 74.804.459 đồng. Tính từ ngày 31/10/2019 ông không trả thêm cho Ngân hàng được khoản tiền gốc và lãi nào. Tính đến ngày 31/10/2019 ông còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền cả gốc và lãi là 303.802.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm linh ba triệu tám trăm linh hai nghìn đồng). Trong đó: Nợ gốc: 268.880.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 32.700.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.222.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 2890LAV201602816 ký ngày 21/10/2016 giữa ngân hàng với ông.

Với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ông đồng ý. Tuy nhiên, do hiện nay ông chưa có công việc ổn định nên ông xin khất nợ. Ông xin trả nợ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu xin trả dần theo quan điểm của bị đơn. Đề nghị Tòa án buộc ông N1 phải trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền gốc và lãi còn nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Dương Tấn N1. Tuy nhiên, ông N1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng N – Chi nhánh V (tên gọi tắt A) là doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, được thực hiện các hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng, dịch vụ ngân hàng... theo quy định của Ngân hàng Nhà nước

Việt Nam. Ngày 21/10/2016, giữa A và ông Dương Tấn N1 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 2890LAV 201602816 về việc A. cho ông N1 vay số tiền 450.000.000 đồng. Do ông N1 vi phạm N1 vụ trả nợ nên A khởi kiện yêu cầu ông N1 phải trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 21/10/2016. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản trong lĩnh vực tín dụng.

[3] Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn A với bị đơn ông Dương Tấn N1 phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng của A từ năm 2016. Do ông N1 vi phạm thỏa thuận trả nợ, đến ngày 12/02/2020 A khởi kiện đến Tòa án. Vì vậy, pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 21/10/2016 ông Dương Tấn N1 có ký Hợp đồng tín dụng số: 2890LAV201602816 với A để vay số tiền 450.000.000 đồng. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho ông N1 theo 01 lần nhận nợ, tại giấy nhận nợ ngày 28/10/2016; Mục đích vay: Cải tạo, nâng cấp nhà ở; Thời hạn vay: 60 tháng; Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 21/10/2021; Định kỳ trả gốc 01 tháng/ lần, số tiền là 7.500.000 đồng; Thỏa thuận lãi suất tiền vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng là 10,5%/ năm, lãi suất quá hạn là 15,75%/năm; Định kỳ trả lãi: 01 tháng một lần; Hình thức vay: Vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Từ ngày vay đến hết ngày 30/10/2019 ông N1 đã trả được cho A tổng số tiền gốc và lãi là 255.924.459 đồng, trong đó số tiền gốc là 181.120.000 đồng, tiền lãi là 74.804.459 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án ông N1 đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của A, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn ông N1 xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng A không đồng ý. Do ông N1 đã vi phạm N1 vụ thanh toán, cho nên việc A khởi kiện yêu cầu ông N1 phải thanh toán tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử ngày 19/5/2020 là 322.541.495 đồng, trong đó: Trong đó tiền gốc là 268.880.000 đồng; Tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là 53.661.495 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 2890LAV201602816 ký ngày 21/10/2016 giữa A với ông Dương Tấn N1 kể từ ngày 20/5/2020 đến khi ông N1 trả hết nợ cho A là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Việc ông N1 xin khất nợ trả dần nhưng A không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông N1.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên về giải quyết vụ án là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân

sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí. Buộc ông Dương Tấn N1 phải chịu tương ứng với số tiền phải trả là: $322.541.495 \text{ đồng} \times 5\% = 16.127.000 \text{ đồng}$. Do yêu cầu khởi kiện của A được chấp nhận nên A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 463, 466, 468, 470 và 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Buộc ông Dương Tấn N1 có N1 vụ trả nợ cho Ngân hàng N– Chi nhánh V tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến hết ngày 19/5/2020 là 322.541.495 đồng (Ba trăm hai mươi hai triệu, năm trăm bốn một nghìn, bốn trăm chín mươi lăm đồng). Trong đó: Tiền gốc là 268.880.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn đồng); Tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 53.661.495 đồng (Năm mươi ba triệu, sáu trăm sáu một nghìn, bốn trăm chín lăm đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/5/2020 đến khi ông N1 trả hết nợ cho ngân hàng N– chi nhánh V theo hợp đồng tín dụng số: 2890LAV201602816 ký ngày 21/10/2016 giữa ngân hàng N– chi nhánh V và ông Dương Tấn N1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Tấn N1 phải chịu 16.127.000 đồng (Mười sáu triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Ngân hàng N – chi nhánh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại Ngân hàng N – chi nhánh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.590.000 đồng (Bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0004042 ngày 13/02/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ này nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Trang Nhung